TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2023/HNGĐ - ST Ngày 31 - 8 - 2023 V/v: Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con..	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Trường

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc "Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST - HNGĐ ngày 15/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa chị H có mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2023, bản tự khai ngày 29/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn T chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào tháng 5 năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình

chung sống đến năm 1999 thì chị và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị và anh T có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên không thể hòa hợp, tình cảm ngày càng xa cách. Anh T không quan tâm đến gia đình mà rượu chè, chửi bới, đánh đập vợ con. Gia đình đã nhiều lần hòa giải, anh T hứa thay đổi, sửa chữa nhưng không có kết quả. Chị và anh T sống ly thân từ ngày 30/4/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Ngô Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Ngô Thị Khánh H1, sinh ngày 10/4/1999; Ngô Thị Khánh V1, sinh ngày 10/3/2005 và Ngô Thị Khánh L, sinh ngày 03/02/2010. Cháu Ngô Thị Khánh H1 và Ngô Thị Khánh V1 đã thành niên và tự lập cuộc sống nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị có nguyện vọng nuôi cháu Ngô Thị Khánh L và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 12/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ngô Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị H về chung sống với nhau tự nguyện vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống bình thường, vì anh có uống rượu nên vợ chồng có khúc mắc, lời qua tiếng lại. Việc chị H làm đơn ly hôn anh cần phải hỏi ý kiến của các con thì anh mới quyết định. Nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

- Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung là Ngô Thị Khánh H1, sinh ngày 10/4/1999; Ngô Thị Khánh V1, sinh ngày 10/3/2005 và Ngô Thị Khánh L, sinh ngày 03/02/2010.

* *Tại phiên tòa:* Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Ngô Văn T là vợ chồng. Về con chị xin được nuôi cháu Ngô Thị Khánh L và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện, đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị H và anh Ngô Văn T.

+ Về con chung: Chị H và anh T có 3 con chung là Ngô Thị Khánh H1, sinh ngày 10/4/1999; Ngô Thị Khánh V1, sinh ngày 10/3/2005 và Ngô Thị Khánh L, sinh ngày 03/02/2010. Hiện nay cháu Ngô Thị Khánh H1 và Ngô Thị Khánh V1 đã thành niên và phát triển bình thường nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Thị Khánh L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Chị Đỗ Thị H và anh Ngô Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 5 năm 1998, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng

không đăng ký kết hôn nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh T là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con. Anh T có địa chỉ thường trú tại thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

- Anh Ngô Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Chị Đỗ Thị H và anh Ngô Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào tháng 5 năm 1998. Quá trình chung sống chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải nên chị H và anh T đã sống ly thân từ ngày 30/4/2023 đến nay. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H, không công nhận chị Đỗ Thị H và anh Ngô Văn T là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh T công nhận anh chị có 3 con chung là Ngô Thị Khánh H1, sinh ngày 10/4/1999; Ngô Thị Khánh V1, sinh ngày 10/3/2005 và Ngô Thị Khánh L, sinh ngày 03/02/2010. Hiện nay cháu Ngô Thị Khánh H1 và Ngô Thị Khánh V1 đã thành niên và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H có nguyện vọng xin được nuôi cháu Ngô Thị Khánh L. Cháu Ngô Thị Khánh L hiện đang ở với chị H và cũng có nguyện vọng xin được ở với chị H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về phần con chung nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con phát triển và học tập. Hội đồng xét xử xét thấy chị H có đủ điều kiện về kinh tế và đạo đức để nuôi con, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu Ngô Thị Khánh L cần giao cháu Ngô Thị Khánh L cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không công nhận chị Đỗ Thị H và anh Ngô Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị H và anh T có 3 con chung là Ngô Thị Khánh H1, sinh ngày 10/4/1999; Ngô Thị Khánh V1, sinh ngày 10/3/2005 và Ngô Thị Khánh L, sinh ngày 03/02/2010. Đối với cháu Ngô Thị Khánh H1 và Ngô Thị Khánh V1 đã thành niên và phát triển bình thường nên không xem xét. Giao cháu Ngô Thị Khánh L cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi chung.

Anh Ngô Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2021/0007283 ngày 12/5/2023. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà